TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/DS-PT
Ngày: 08/01/2024
V/v *Tranh chấp di sản thừa kế*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thế Hồng

Các Thẩm phán: Ông Phan Thanh Tòng

Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 420/2023/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp di sản thừa kế". Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 176/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4267/2023/QĐ-PT ngày 08 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1962. Nơi cư trú: Số E, ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre.

1.2. Bà Lê Thị C, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Số A, ấp T, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

1.3. Ông Lê Văn L, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Số A, ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre.

1.4. Bà Lê Thị Lượm E, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Số B, ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

1.5. Bà Lê Thị P, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Số A, ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre.

1.6. Ông Lê Văn B, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Số E, ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre.

1.7. Bà Lê Thị Ú, sinh năm 1988. Nơi cư trú: ấp T, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

1.8. Ông Lê Văn S, sinh năm 1986 (đã chết, không có vợ con).

2. Bị đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1978;

Nơi cư trú: Số E, ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người kháng cáo:

1- Bà Lê Thị Đ,

2- Bà Lê Thị C,

3- Ông Lê Văn L,

4- Bà Lê Thị Lượm E,

5- Bà Lê Thị P,

6- Ông Lê Văn B,

7- Bà Lê Thị Út .

(Tất cả có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn bà Lê Thị Đ, bà Lê Thị C, ông Lê Văn L, bà Lê Thị Lượm E, bà Lê Thị P, ông Lê Văn B, bà Lê Thị Ú là ông Nguyễn Minh K trình bày:

Cha mẹ của các nguyên đơn là ông Lê Văn H1, sinh năm 1926 và bà Lê Thị L1, sinh năm 1943. Ông H1, bà L1 có 09 người con chung là bà Lê Thị Đ, bà Lê Thị C, ông Lê Văn S, ông Lê Văn L, bà Lê Thị Lượm E, bà Lê Thị P, ông Lê Văn B, bà Lê Thị Ú, ông Lê Văn H. Năm 1995 bà L1 chết, năm 2000 ông H1 chết, ông bà không để lại di chúc. Ngày 21/02/2022 ông Lê Văn S chết, ông S không có vợ, không có con.

Di sản ông H1, bà L1 để lại gồm có:

1. Phần đất có diện tích 1.424,4m^2 (loại đất lúa) thuộc thửa đất số 124, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre, đứng tên ông H1. Hiện thửa đất mới có diện tích 1.519,8m^2 (đo đạc theo hiện trạng có diện tích 1.519,9m^2) thuộc thửa đất số 69 (ký hiệu 69 có diện tích 700,0m^2; 69a có diện tích 4,8m^2; 69b có diện tích 815,1m^2) tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre, do bị đơn ông Lê Văn H kê khai đăng ký nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Phần đất có diện tích 1.656,4m^2 (loại đất lúa) thuộc thửa đất số 122 và diện tích 1.112,8m^2, thửa số 123, cùng tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre, đứng tên ông H1. Hiện thửa đất mới có diện tích 4.371,7m^2

(đo đạc theo hiện trạng có diện tích 4.371,6m^2) thuộc thửa đất số 73 (ký hiệu 73 có diện tích 4191,0m^2; 73a có diện tích 66,7m^2; 73b có diện tích 80,5m^2; 73c có diện tích 0,3m^2; 73d có diện tích 33,1m^2) tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre, do bị đơn ông Lê Văn H kê khai đăng ký nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Các nguyên đơn đã yêu cầu ông H thực hiện thủ tục phân chia thừa kế di sản do ông H1, bà L1 chết để lại nhưng ông H không đồng ý nên các nguyên đơn bà Lê Thị Đ, bà Lê Thị C, ông Lê Văn L, bà Lê Thị Lượm E, bà Lê Thị P, ông Lê Văn B, bà Lê Thị Ú có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc bị đơn ông Lê Văn H thực hiện thủ tục phân chia di sản thừa kế đối với di sản do ông H1, bà L1 để lại cụ thể như sau:

1/ Đối với phần đất có diện tích 1.519,9m^2 thuộc thửa đất số 69 (ký hiệu 69; 69a; 69b), tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre:

- Giao cho ông Lê Văn H nhận phần đất có diện tích 704,8m^2 thuộc một phần thửa số 69 (ký hiệu 69, 69a) tờ bản đồ số 6 tọa lạc ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre

- Các nguyên đơn yêu cầu nhận phần đất có diện tích 815,1m^2 thuộc một phần thửa đất số 69 (ký hiệu 69b) tờ bản đồ số 6 tọa lạc ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre

2/ Đối với phần đất có diện tích 4.371,6m^2 thuộc thửa đất số 73 (ký hiệu 73, 73a, 73b, 73c, 73d) tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre, các nguyên đơn yêu cầu nhận trọn thửa đất này, không giao phần cho ông H.

Các nguyên đơn không tranh chấp cây trồng, vật kiến trúc hay nhà gắn liền trên đất. Các nguyên đơn đồng ý kết quả đo đạc theo hoạ đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 14/01/2022 và định giá ngày 23/11/2021; không yêu cầu đo đạc, định giá lại. Các thửa đất có ký hiệu 58a, 68a, 70a là phần đất xác định đo sai ranh so với hiện trạng, các nguyên đơn không có tranh chấp nên không yêu cầu xem xét.

Về chi phí tố tụng: Các nguyên đơn yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo quy định.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Văn H trình bày:

Ông thống nhất với các nguyên đơn về mối quan hệ cha mẹ và con chung như nguyên đơn trình bày là đúng, cha mẹ của ông không có con riêng hoặc con nuôi nào khác.

Khi cha mẹ ông còn sống có tạo lập được tài sản bao gồm: 1.519,8m^2 thuộc thửa đất số 69 và 4.371,7m^2 thuộc thửa số 73 (theo kết quả đo đạc), cùng tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre

Qua yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, ông có yêu cầu như sau:

Đối với phần đất có diện tích 1.519,9m^2 thuộc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 6 tọa lạc ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre thì ông yêu cầu nhận trọn thửa của phần đất này; ông không đồng ý chia cho các nguyên đơn vì khi ông H1 còn sống thì ông H1 đã đã có cầm cố đất cho bà Trần Thị H2 bằng 2,5 chỉ vàng 24K, đến hạn ông H1 cũng như các anh chị em không có khả năng chuộc lại đất nên vào năm 1996 ông đã chuộc lại phần đất này, do đó ông H1 đã cho ông cho ông sử dụng đất đến nay (ông không có giấy tờ cung cấp về việc ông H1 tặng cho đất nhưng việc ông chuộc lại phần đất thì có cung cấp tại Tòa án 01 đơn xin xác nhận của bà Trần Thị H2), nếu ông không chuộc lại đất thì nay không còn thửa đất này. Ông đã có công gìn giữ, quản lý và cải tạo thành đất cây lâu năm nên ông yêu cầu được nhận toàn bộ thửa đất số 69, tờ bản đồ số 6 tọa lạc ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Đối với phần đất có diện tích 4.371,6m^2 thuộc thửa đất số 73 (ký hiệu 73, 73a, 73b, 73c, 73d), tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre thì ông đồng ý giao cho các nguyên đơn nhận trọn thửa đất này, ông không có yêu cầu Tòa án xem xét chia.

Về cây trồng, vật kiến trúc hay nhà gắn liền trên đất của thửa 73 ông không có yêu cầu gì. Đối với thửa 69 thì ông có cải tạo và trồng cây dừa nên ông yêu cầu các nguyên đơn phải trả giá trị cây dừa cho ông theo giá Hội đồng định giá huyện T đã định giá, nếu yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Ông đồng ý kết quả đo đạc theo hoạ đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 14/01/2022 và định giá ngày 23/11/2021; không yêu cầu đo đạc, định giá lại. Các thửa đất có ký hiệu 58a, 68a, 70a là phần xác định đo sai ranh so với hiện trạng, ông không có tranh chấp nên không yêu cầu xem xét.

Do hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân huyện T đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 176/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Chấp nhập một phần yêu cầu khởi kiện tranh chấp di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của các nguyên đơn.

Bà Lê Thị Đ, bà Lê Thị C, ông Lê Văn L, bà Lê Thị Lượm E, bà Lê Thị P, ông Lê Văn B, bà Lê Thị Ú được hưởng di sản thừa kế là quyền sử dụng đất thuộc thửa số 73 có diện tích là 4.371,6m^2 (ký hiệu 73 có diện tích 4191,0m^2; 73a có diện tích 66,7m^2; 73b có diện tích 80,5m^2; 73c có diện tích 0,3m^2; 73d có diện tích 33,1m^2) tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Ông Lê Văn H được hưởng di sản thừa kế là thuộc thửa số 69 có diện tích 1.519,9m^2 (ký hiệu 69 có diện tích 700,0m^2; 69a có diện tích 4,8m^2; 69b có diện

tích 815,1m^2), tờ bản đồ số 6 tọa lạc ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre. (Có họa đồ hiện trạng kèm theo).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các nguyên đơn bà Lê Thị Đ, bà Lê Thị C, ông Lê Văn L, bà Lê Thị Lượm E, bà Lê Thị P, ông Lê Văn B, bà Lê Thị Ú kháng cáo bản án nêu trên, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các nguyên đơn cho rằng từ sau khi cụ H1 chết thì ông H là người quản lý, sử dụng đất đến năm 2020 thì phát sinh tranh chấp. Các nguyên đơn đều giữ nguyên quan điểm kháng cáo, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn ông Lê Văn H không đồng ý kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm và đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 176/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các nguyên đơn bà Lê Thị Đ, bà Lê Thị C, ông Lê Văn L, bà Lê Thị Lượm E, bà Lê Thị P, ông Lê Văn B, bà Lê Thị Ú trong thời hạn qui định và hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Về di sản thừa kế: Các bên đương sự đều thống nhất di sản thừa kế của cụ Lê Văn H1 và cụ Lê Thị L1 gồm có thửa đất số 69 qua đo đạc theo hiện trạng có diện tích 1.519,9m^2 và thửa đất số 73 qua đo đạc theo hiện trạng có diện tích 4.371,6m^2 cùng tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre. Năm 1995, cụ L1 chết, năm 2000, cụ H1 chết. Cụ L1 và cụ H2 chết đều không để lại di chúc.

[3] Về hàng thừa kế: Các bên đương sự thống nhất hàng thừa kế thứ nhất của cụ L1 và cụ H1 gồm có 09 người con chung là bà Lê Thị Đ, bà Lê Thị C, ông Lê Văn L, bà Lê Thị Lượm E, bà Lê Thị P, ông Lê Văn H, ông Lê Văn B, ông Lê Văn S, bà Lê Thị Út . Tuy nhiên, ông Lê Văn S đã vào năm 2022, ông S không có vợ con.

[4] Về cách phân chia di sản thừa kế:

Các bên đương sự thống nhất về di sản thừa kế và hàng thừa kế của cụ H1 và cụ L1, tuy nhiên không thống nhất được về cách thức phân chia di sản, cụ thể:

Đối với phần đất thuộc thửa đất số 69 có diện tích qua đo đạc là 1.519,9m^2. Các nguyên đơn đồng ý giao cho ông Lê Văn H diện tích 704,8m^2 (ký hiệu 69 có diện tích 700,0m^2; 69a có diện tích 4,8m^2) và yêu cầu ông H giao cho các nguyên đơn được nhận phần đất có diện tích 815,1m^2 (ký hiệu 69b). Đối với phần đất thuộc thửa đất số 73, diện tích qua đo đạc là 4.371,6m^2, các nguyên đơn yêu cầu được nhận toàn bộ thửa đất này.

Bị đơn Lê Văn H đồng ý giao cho các nguyên đơn nhận và quản lý sử dụng thửa đất số 73, diện tích 4.371,6m^2 và yêu cầu được nhận toàn bộ thửa số 69, diện tích 1.519,9m^2, ông H cho rằng khi còn sống thì cụ H1 đã cầm cố thửa đất số 69 cho bà Trần Thị H2 với số vàng là 2,5 chỉ vàng 24K, đến hạn cụ H1 và các anh chị em không có khả năng chuộc lại đất nên vào năm 1996 ông H đã chuộc lại phần đất bằng 2,5 chỉ vàng 24K, sau đó cụ H1 đã cho ông sử dụng đến nay.

Xét thấy, các bên đương sự đều thừa nhận nguồn gốc hai thửa đất nêu trên là của cụ H1, cụ L1 và căn cứ vào sổ mục kê thì cụ H1 là người kê khai đăng ký quyền sử dụng đất. Do đó, thửa số 69 và thửa đất số 73 tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre được xác định là di sản thừa kế của cụ H1, cụ L1. Cụ H1 và cụ L1 chết không để lại di chúc nên di sản của 02 cụ được chia thừa kế theo pháp luật cho những người thừa kế ở hàng thừa kế thứ nhất bao gồm các nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các điều 609, 613, 649, 650 và 651 của Bộ luật dân sự.

Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 6, do ông H quản lý, sử dụng đất từ sau khi cụ H1 và cụ L1 chết. Trong trình giải quyết vụ án, ông H cho rằng khi còn sống thì cụ H1 đã cầm cố thửa đất số 69 cho bà Trần Thị H2 và ông H là người đã bỏ ra số tiền để chuộc lại phần đất này, ông H đã cung cấp văn bản của bà Trần Thị H2 xác nhận về việc ông H chuộc lại đất, phía nguyên đơn cũng không có ý kiến phản đối về lời trình bày của ông H. Do đó, có căn cứ cho rằng phần đất này ông H đã có công sức gìn giữ, quản lý và cải tạo nên phần di sản ông H được hưởng nhiều hơn các nguyên đơn là phù hợp. Toà án cấp sơ thẩm chia cho bị đơn được hưởng di sản thừa kế là thửa số 69 có diện tích 1.519,9m^2, đồng thời các nguyên đơn được nhận phần đất thuộc thửa số 73 có diện tích là 4.371,7m^2 là có cơ sở.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, các nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lê Thị Đ, bà Lê Thị C, ông Lê Văn L, bà Lê Thị Lượm E, bà Lê Thị P, ông Lê Văn B, bà Lê Thị Ú phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên bà Đ là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn: bà Lê Thị Đ, bà Lê Thị C, ông Lê Văn L, bà Lê Thị Lượm E, bà Lê Thị P, ông Lê Văn B, bà Lê Thị Ú;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 176/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre, cụ thể tuyên:

Căn cứ vào các điều 609, 611, 613, 623, 651, 660 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhập một phần yêu cầu khởi kiện tranh chấp di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của các nguyên đơn.

Bà Lê Thị Đ, bà Lê Thị C, ông Lê Văn L, bà Lê Thị Lượm E, bà Lê Thị P, ông Lê Văn B, bà Lê Thị Ú được hưởng di sản thừa kế là quyền sử dụng đất thuộc thửa số 73 có diện tích là 4.371,6m^2 (ký hiệu 73 có diện tích 4191,0m^2; 73a có diện tích 66,7m^2; 73b có diện tích 80,5m^2; 73c có diện tích 0,3m^2; 73d có diện tích 33,1m^2) tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Ông Lê Văn H được hưởng di sản thừa kế là quyền sử dụng đất thuộc thửa số 69 có diện tích 1.519,9m^2 (ký hiệu 69 có diện tích 700,0m^2; 69a có diện tích 4,8m^2; 69b có diện tích 815,1m^2), tờ bản đồ số 6 tọa lạc ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre.

(Có họa đồ hiện trạng kèm theo).

Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo theo nội dung quyết định của bản án khi có yêu cầu.

2. Về chi phí tố tụng: 7.130.000 (bảy triệu, một trăm ba mươi nghìn) đồng, các nguyên đơn bà Lê Thị C, ông Lê Văn L, bà Lê Thị Lượm E, bà Lê Thị P, ông Lê Văn B, bà Lê Thị Ú phải nộp và đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Đ là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

Bà Lê Thị C, ông Lê Văn L, bà Lê Thị Lượm E, bà Lê Thị P, ông Lê Văn B, bà Lê Thị Ú phải có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền: 76.140.685 (bảy mươi sáu triệu, một trăm bốn mươi nghìn, sáu trăm tám mươi lăm) đồng. Chi cục Thi hành án dân sự huyện T hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp: 7.860.000 (bảy triệu, tám trăm sáu mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số: 0005161, ngày 24 tháng 5 năm 2021 cho bà Lê Thị Đ, bà Lê Thị C, ông Lê Văn L, bà Lê Thị Lượm E, bà Lê Thị P, ông Lê Văn B, bà Lê Thị Út .

Ông Lê Văn H phải nộp: 48.477.600 (bốn mươi tám triệu, bốn trăm bảy mươi bảy nghìn, sáu trăm) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị C, ông Lê Văn L, bà Lê Thị Lượm E, bà Lê Thị P, ông Lê Văn B, bà Lê Thị Ú mỗi người phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà các ông/bà đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000291 ngày 16/10/2023, 0000317 ngày 17/10/2023, 0000292 ngày 16/10/2023, 0000283 ngày 1310/2023, 0000316 ngày 17/10/2023, 0000293 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Phòng KTNV và THA; VP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thế Hồng